

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

Công trình: Đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT.617 đi Quốc lộ 40B)

Địa điểm: huyện Núi Thành và huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT.617 đi Quốc lộ 40B);

Căn cứ Công văn số 1031/TTg-NN ngày 04/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện một số dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ các Quyết định số 1164/QĐ-UBND và số 1165/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án Đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT.617 đi Quốc lộ 40B) đoạn qua xã Trà Kót, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và đoạn qua xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;

Theo Công văn số 3113/UBND-KTN ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT.617 đi Quốc lộ 40B);

Theo Công văn số 5252/UBND-KTN ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh về việc thanh toán chi phí trồng rừng thay thế để thực hiện dự án Đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT.617 đi Quốc lộ 40B);

Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 1006/TTr-BQLGT ngày 15/7/2022 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh dự án Đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT617 đi Quốc lộ 40B);

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2140/TTr-SGTVT ngày 18/7/2022, kèm theo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh số 2137/KQTD-SGTVT ngày 18/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án Đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT617 đi Quốc lộ 40B), với các nội dung như sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh, bổ sung các chi phí liên quan đến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng công trình: chi phí điều tra hiện trạng rừng và ba loại rừng; chi phí thiết kế khai thác gỗ tận thu; chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát đánh giá hiện trạng rừng và khai thác gỗ tận thu; chi phí trồng rừng thay thế.

- Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ năm 2018 - 2022 thành từ năm 2018 - 2024.

2. Giá trị điều chỉnh, bổ sung:

a) Phần điều chỉnh tăng, phát sinh trong mục chi phí khác là: 2.930.389.000 đồng, trong đó:

- Chi phí điều tra hiện trạng rừng và ba loại rừng: 292.200.000 đồng;
- Chi phí thiết kế khai thác gỗ tận thu (tạm tính): 472.300.000 đồng;
- Chi phí trồng rừng thay thế: 2.142.954.000 đồng;
- Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát, đánh giá hiện trạng rừng và khai thác gỗ tận thu: 22.935.000 đồng.

b) Phần điều chỉnh giảm:

- Giảm chi phí bồi thường, GPMB do điều chuyển từ chi phí liên quan đến trồng rừng thay thế (trồng rừng thay thế, kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán, dự phòng) trong chi phí bồi thường, GPMB đã được duyệt sang chi phí khác là 1.339.000.000 đồng.

- Giảm chi phí dự phòng để bù phần phát sinh trong chi phí khác là 1.591.389.000 đồng (2.930.389.000 - 1.339.000.000 đồng).

3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung: 267.450.600.000 đồng. (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, sáu trăm ngàn đồng), cụ thể như sau:

| S T T | Hạng mục chi phí | Giá trị (đồng) | | |
|-------------|-----------------------|--|---------------------|----------------------------------|
| | | Tổng mức đầu tư phê duyệt tại QĐ số 3275/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 | Điều chỉnh, bổ sung | Tổng mức sau điều chỉnh, bổ sung |
| 1 | Chi phí xây dựng | 204.686.032.000 | | 204.686.032.000 |
| 2 | Chi phí quản lý dự án | 3.020.049.000 | | 3.020.049.000 |
| 3 | Chi phí tư vấn ĐTXD | 13.660.637.000 | | 13.660.637.000 |
| 4 | Chi phí khác | 11.432.576.000 | 2.930.389.000 | 14.362.965.000 |
| 5 | Chi phí dự phòng | 2.149.306.000 | -1.591.389.000 | 557.917.000 |
| 6 | Chi phí BT-GPMB | 32.502.000.000 | -1.339.000.000 | 31.163.000.000 |
| | Tổng cộng | 267.450.600.000 | 0 | 267.450.600.000 |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông (chủ đầu tư) căn cứ các nội dung được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung để thực hiện các bước tiếp theo đúng qui định về đầu tư xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện Núi Thành, Bắc Trà My theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bắc Trà My, Chủ tịch UBND huyện Núi Thành, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, TH, KTN_(Đ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Quang